

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 126/2025/TLST-DS, ngày 20/8/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng A.

Địa chỉ: 40-42-44, phường R, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Trần Hải Đ - Nhân viên Ngân hàng A– Chi nhánh Bạc Liêu.

- *Các bị đơn*: Anh Trần Kim Q, sinh năm 1983

Chị Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Khóm X, phường B, tỉnh Cà Mau.

2. Sự thoả thuận của các đương sự như sau:

2.1. Buộc anh Trần Kim Q và chị Nguyễn Ngọc Th có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Kiên Long tổng số tiền vay 1.707.827.069 đồng. Trong đó cụ thể các khoản vay như sau:

- **Hợp đồng tín dụng số 218/24/HNĐTD, ngày 15/7/2024:**

- Nợ gốc: 1.430.000.000 đồng

- Lãi trong hạn: 72.871.233 đồng
- Lãi quá hạn: 32.792.055 đồng
- Chậm trả lãi: 2.095.896 đồng
- **Hợp đồng tín dụng hạn mức thấu chi số: 222/24/HĐTD/0200-13425, ngày 15/7/2024:**
- Nợ gốc: 60.000.000 đồng
- Lãi trong hạn: 3.159.616 đồng
- Lãi quá hạn: 1.431.370 đồng
- Chậm trả lãi: 89.760 đồng
- **Nợ thẻ tín dụng (giấy đăng ký phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế kiên long Bank) số: 087/24/8C/0200-013425, ngày 17/12/2024**
- Nợ gốc: 87.623.195 đồng
- Lãi: 14.513.504 đồng
- Phí chậm trả: 3.250.440 đồng

Các khoản nợ lãi được tính đến ngày 29/8/2025

Kể từ ngày 30/8/2025 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thoả thuận trong hợp đồng vay cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng này.

- Trường hợp anh Trần Kim Q và chị Nguyễn Ngọc Th không có khả năng thanh toán, hoặc thanh toán không đầy đủ thì đồng ý để Ngân hàng phát mãi tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 218/24/HĐTC, ngày 15/7/2024. Tài sản thế chấp gồm có: Phần đất có diện tích 22m², thuộc thửa 216, tờ bản đồ 19, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 327624, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bạc Liêu, cấp cho ông Trần H và bà Quách Thị M ngày 09/3/2018; đến ngày 02/4/2018 tặng cho ông Trần Kim Quang. Đất tọa lạc tại: Khóm X, phường Y, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là Khóm X, phường B, tỉnh Cà Mau).

2.2. Buộc anh Trần Kim Q và chị Nguyễn Ngọc Th có trách nhiệm giao tài sản thế chấp đã nêu ở **mục 2.1** tại phần Quyết định này để thực hiện nghĩa vụ phát mãi tài sản khi có đơn yêu cầu.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và chi phí tố tụng:

- Ngân hàng A phải chịu án phí số tiền 15.808.703 đồng; anh Trần Kim Q và chị Nguyễn Ngọc Th phải chịu 15.808.703 đồng. Tuy nhiên, anh Trần Kim Q và chị Nguyễn Ngọc Th tự nguyện nộp toàn bộ nên buộc anh Q, chị Th phải nộp án phí số tiền 31.617.406 đồng.

- Ngân hàng A không phải chịu án phí, nên được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 30.800.000 đồng đã nộp đồng tại Biên lai số 0000040 ngày 20/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

- Chi phí thẩm định tại chỗ 600.000 đồng, anh Trần Kim Q và chị Nguyễn Ngọc Th tự nguyện chịu, nên buộc anh Trần Kim Q và chị Nguyễn Ngọc Th có trách nhiệm hoàn lại cho Ngân hàng A số tiền 600.000 đồng.

3. Quyết định này được thi hành án theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Toà án nhân dân tỉnh CM;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh CM;
- VKSND cùng cấp;
- Phòng THADS khu vực 6 – CM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Trần Thị Thuý